

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm: 1994

Địa chỉ: Tổ 39B, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Trần Văn M - sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Số nhà 17 ngõ 35 Lê Đức T, Mỹ Đình, quận N, Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn M đăng ký kết hôn ngày 13/02/2017 tại Văn phòng hành chính quận Shinjuku, thành phố Tokyo, Nhật Bản. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình khuyên giải nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay, thời gian sống ly thân các bên không quan tâm đến nhau. Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng các bên đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn và vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn M.

[2] Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là Trần Nhật N - sinh ngày 17/9/2017. Chị H và anh M thoả thuận thống nhất về người nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con và đề nghị Toà án công nhận thoả thuận của chị H và anh M. Vì vậy, giao cháu Trần Nhật N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung thành niên; Anh Trần Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 4/2021 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Chị H và anh M xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Chị H và anh M đều xin chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn M.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Nhật N - sinh ngày 17/9/2017 đến khi thành niên. Anh Trần Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 4/2021 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh M không có tài sản chung nên không giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh M không nợ ai nên không giải quyết.

- Về công sức đóng góp gia đình: Chị H và anh M không có nên không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn M mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án, nhưng chị H được trừ vào số tiền đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0004268 ngày 16/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ; anh M được trừ vào số tiền đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0004269 ngày 16/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Việt Trì;
- Văn phòng hành chính quận Shinjuku, thành phố Tokyo, Nhật Bản;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục thi hành án dân sự Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên